

Bản án số: 20/2024/HNGĐ-ST

Ngày 22/5/2024

V/v: Xin ly hôn, tranh chấp nuôi con
chung N-T

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁI THỤY, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Thị Xuân Quỳnh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đỗ Thị Thu Hà và ông Phan Văn Tiến

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Nhật Khánh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy tham gia phiên tòa: Ông Tô Tuấn Dũng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 35/2024/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 3 năm 2024 về việc xin ly hôn. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24A/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 19/4/2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 08C/2024/QĐST-HNGĐ ngày 07/5/2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Hồng N**, sinh năm 1993, ĐKKH: Thôn B, xã A, huyện T, tỉnh Thái Bình; Hiện đang ở: Thôn C, xã P, huyện T, tỉnh Thái Bình.

- Bị đơn: Anh **Đỗ Xuân T**, sinh năm 1994, địa chỉ: Thôn B, xã A, huyện T, tỉnh Thái Bình.

(Chị N đơn xin xét xử vắng mặt, anh T vắng mặt lần thứ hai không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 26/3/2024, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Hồng N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Đỗ Xuân T kết hôn trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại UBND xã A, huyện T, tỉnh Thái Bình và được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 29/11/2017. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống một thời gian rất ngắn đến khoảng đầu năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Anh chị đã sống ly thân từ năm 2020 đến nay. Đến nay chị N xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc, hai bên không còn quan tâm đến nhau, chị đề nghị Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

Về con chung: Anh chị có một con chung là cháu Đỗ Ngọc Trâm A, sinh 27/4/2018, hiện nay cháu Trâm A đang sống cùng chị. Ly hôn chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Anh chị không có nợ chung, chị không yêu cầu

Tòa án giải quyết về tài sản.

Theo bản tự khai đề ngày 28/3/2024, bị đơn – anh Đỗ Xuân T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh xác nhận thời gian, điều kiện và hoàn cảnh kết hôn như chị N trình bày là đúng. Theo anh trong quá trình chung sống vợ chồng anh không có mâu thuẫn gì nhưng chị N đã tự ý bỏ về nhà mẹ đẻ sinh sống, không hỏi han quan tâm đến anh. Nay chị N làm đơn ly hôn anh không đồng ý vì anh rất yêu thương vợ con và muốn vợ chồng đoàn tụ chăm lo cho gia đình và cùng nhau nuôi dạy con cái.

Về con chung: Anh và chị N có một con chung như chị N trình bày, hiện nay con chung đang ở với chị N. Ly hôn anh đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con chung.

Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Anh chị không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy phát biểu quan điểm tại phiên tòa: Quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn tuân thủ theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, Điều 56, các Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình xử cho chị Nguyễn Hồng N được ly hôn anh Đỗ Xuân T; Về quan hệ con chung: Giao con chung cho chị Nguyễn Hồng N trực tiếp nuôi dưỡng con chung Đỗ Ngọc Trâm A, chấp nhận đề nghị của chị N về việc chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung. Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra giải quyết. Chị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thẩm quyền: Bị đơn đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã A, huyện T, tỉnh Thái Bình, trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn không thay đổi nơi cư trú vì vậy đây là vụ án tranh chấp hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, chị Nguyễn Hồng N có đơn xin xét xử vắng mặt, anh Đỗ Xuân T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, căn cứ khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các bên đương sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị N và anh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện T, tỉnh Thái Bình và được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 41/2017 ngày 29/11/2017. Tại thời điểm kết hôn, anh chị đủ điều kiện kết hôn, là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân theo chị N trình bày là do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Mâu thuẫn trở nên căng thẳng vào đầu năm 2020 nên anh chị đã sống ly thân, đến nay cuộc sống hôn nhân không được cải thiện, không có lối thoát, anh chị không hỏi han nhau cũng không thể hàn gắn được quan hệ hôn nhân. Tại các văn bản gửi đến Tòa án, anh T cho rằng vợ chồng

không có mâu thuẫn và chị N tự ý bỏ về nhà mẹ đẻ sinh sống, nhưng không lý giải được nguyên nhân vợ chồng ly thân không còn tình cảm, bản thân anh T không muốn ly hôn nhưng anh không có động thái quyết liệt để hàn gắn tình cảm vợ chồng, anh cũng không đưa ra được các giải pháp đoàn tụ hoặc mong muốn nguyện vọng đề nghị Tòa án hòa giải đoàn tụ để hai vợ chồng quay lại với nhau, điều đó chứng tỏ tình cảm vợ chồng của chị N và anh T thực sự có mâu thuẫn không thể giải quyết, hai bên không có sự sẻ chia, quan tâm đến nhau khiến cho đời sống hôn nhân của anh chị không có tiến triển, chị N vẫn kiên quyết ly thân và xin ly hôn anh T. Qua xác minh tại địa phương nơi chị N và anh T có thời gian ngắn cùng sinh sống trước khi ly thân xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa hai bên là có thật, có tình trạng vợ chồng bất đồng quan điểm và ly thân nhau. Như vậy, Hội đồng xét xử xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa N và anh T đã ở mức trầm trọng, không tin tưởng nhau, không thể cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N để vợ chồng đoàn tụ cũng không thành và sẽ làm cho mâu thuẫn thêm trầm trọng, chị N cương quyết xin ly hôn, cần xử cho chị N được ly hôn anh T là phù hợp với thực tế và quy định tại khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình.

[4] Về quan hệ con chung: Chị N và anh T có một con chung là cháu Đỗ Ngọc Trâm A, sinh ngày 27/4/2018. Ly hôn cả chị N và anh T đều có nguyện vọng muốn nuôi con. Bản thân anh T có nguyện vọng muốn nuôi con anh không cung cấp cho Tòa án những chứng cứ chứng minh thể hiện việc đảm bảo tốt cho sự phát triển về mặt thể chất và tinh thần cho cháu Trâm A. Bản thân cháu Trâm A từ nhỏ đã được chị N chăm sóc và nuôi dưỡng nên nếu thay đổi môi trường sinh sống khó tránh khỏi việc xáo trộn về mặt tâm lý và thói quen sinh hoạt của trẻ nhỏ. Bên cạnh đó, chị N đã cung cấp bằng lương chứng minh khả năng tài chính có thể nuôi dạy cháu Trâm A. Căn cứ vào thông tin cung cấp của Ủy ban nhân dân xã A, để đảm bảo quyền lợi và sự phát triển mọi mặt của cháu Trâm A cả về thể chất lẫn tinh thần, căn cứ vào các Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử xét thấy cần giao con chung Đỗ Ngọc T1 Anh cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, chấp nhận việc chị N không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung. Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con được đặt ra khi các đương sự có yêu cầu theo quy định của pháp luật.

[5] Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Cả chị N và anh T đều xác định vợ chồng không có nợ chung, đều không yêu cầu Tòa án giải quyết về quan hệ tài sản. Do đó Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết về quan hệ tài sản.

[6] Về án phí: Chị N phải chịu toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

[7] Về quyền kháng cáo: Chị N và anh T có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật tại điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng

dân sự; Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Hồng N được ly hôn anh Đỗ Xuân T.

2. Về con chung: Chị N và anh T có một con chung là cháu Đỗ Ngọc Trâm A, sinh ngày 27/4/2018. Giao cho chị Nguyễn Hồng N trực tiếp nuôi dưỡng con chung Đỗ Ngọc Trâm A, chị N không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung. Người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung, yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng cho con chung theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung: Không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Hồng N phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, chuyển số tiền 300.000đ chị N đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004109 ngày 27/3/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thái Thụy sang thi hành án phí, nghĩa vụ chịu án phí đã thi hành xong.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự
- VKSND huyện Thái Thụy;
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- TAND tỉnh Thái Bình;
- Chi cục THADS huyện Thái Thụy;
- UBND xã A;
- Lưu HCTP;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đào Thị Xuân Quỳnh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đào Thị Xuân Quỳnh

